

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 01 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Nguyễn Văn Sol.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 695/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Liêm Văn C, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Mộng C1, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2024 và các lời khai tại Tòa án anh Liêm Văn C (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Mộng C1 chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay anh yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Mộng C1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Liêm Huỳnh N, sinh ngày 14/12/1999. Hiện tại, con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Huỳnh Mộng C1 (bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với nội dung trình bày của anh Liêm Văn C, vợ chồng chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Do hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị đồng ý ly hôn với anh Liêm Văn C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Liêm Huỳnh N, sinh ngày 14/12/1999. Hiện tại, con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Liêm Văn C và bị đơn chị Huỳnh Mộng C1 có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị C1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa anh Liêm Văn C với chị Huỳnh Mộng C1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Huỳnh Mộng C1 có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về hôn nhân: Anh Liêm Văn C và chị Huỳnh Mộng C1 chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xác nhận ngày 13/11/2024. Do đó, hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý. Qua mâu thuẫn giữa anh C và chị C1 như anh, chị đã trình bày, mặc dù chị C1 đồng ý ly hôn với anh C nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa anh C và chị C1 là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh C và chị C1 thống nhất có 01 con chung tên Liêm Huỳnh N, sinh ngày 14/12/1999. Hiện tại, con đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Anh C và chị C1 thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Anh C và chị C1 thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận anh Liêm Văn C với chị Huỳnh Mộng C1 là vợ chồng.

[2] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Liêm Văn C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018961 ngày 03/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; anh C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Liêm Văn C và chị Huỳnh Mộng C1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hiền